|  |  |
| --- | --- |
| **CHÍNH PHỦ**  Số:  **/**2021/NĐ-CP | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| *Hà Nội, ngày tháng năm 2021* |

**DỰ THẢO**

# NGHỊ ĐỊNH

# Về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;*

*Căn cứ Luật Giao dịch điện tử ngày 29 tháng 11 năm 2005;*

*Căn cứ Luật An toàn thông tin mạng ngày 19 tháng 11 năm 2015;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông;*

*Chính phủ ban hành Nghị định về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước.*

# Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước.

1. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với cơ quan nhà nước bao gồm các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp và các tổ chức, cá nhân tham gia công tác ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước.

1. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước: là việc sử dụng công nghệ thông tin vào các hoạt động của cơ quan nhà nước nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả trong hoạt động nội bộ của cơ quan nhà nước và giữa các cơ quan nhà nước, trong giao dịch của cơ quan nhà nước với tổ chức và các nhân.

2. Chuyển đổi số trong hoạt động của cơ quan nhà nước: là việc ứng dụng công nghệ thông tin nhằm từng bước đưa toàn bộ hoạt động của cơ quan nhà nước lên môi trường mạng.

3. Điện toán đám mây: là mô hình cho phép thực hiện truy cập mạng tùy theo yêu cầu vào một nhóm tài nguyên máy tính do tổ chức, cá nhân cung cấp và có thể tùy chỉnh cấu hình được như mạng, máy chủ, khả năng lưu trữ, ứng dụng và dịch vụ.

4. Hạ tầng Internet vạn vật: là tập hợp các thiết bị số được kết nối thông qua mạng máy tính để thu thập và trao đổi dữ liệu với nhau.

5. Hạ tầng kỹ thuật: là tập hợp thiết bị tính toán (máy chủ, máy trạm), thiết bị ngoại vi, thiết bị kết nối mạng, thiết bị phụ trợ, mạng nội bộ, mạng diện rộng.

6. Dữ liệu đặc tả (Metadata): là những thông tin mô tả các đặc tính của dữ liệu như nội dung, định dạng, chất lượng, điều kiện và các đặc tính khác nhằm tạo thuận lợi cho quá trình tìm kiếm, truy nhập, quản lý và lưu trữ dữ liệu.

7. Chủ sở hữu dữ liệu: là cá nhân, tổ chức có quyền quyết định việc tạo ra, xóa bỏ dữ liệu, chia sẻ, sử dụng dữ liệu.

8. Khung kiến trúc chính phủ điện tử của quốc gia: là tài liệu thiết kế tổng thể các thành phần, nội dung về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ qua nhà nước; nhằm bảo đảm tránh trùng lặp, lãng phí và bảo đảm khả năng kết nối, liên thông trong quá trình triển khai công tác ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước.

9. Kiến trúc chính phủ điện tử cấp bộ: là tài liệu thiết kế tổng thể các thành phần, nội dung về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ qua nhà nước của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ.

10. Kiến trúc chính quyền điện tử cấp tỉnh: là tài liệu thiết kế tổng thể các thành phần, nội dung về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước tại các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

1. Nguyên tắc triển khai ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong hoạt động của cơ quan nhà nước

1. Đáp ứng nhu cầu, lấy sự hài lòng của tổ chức, cá nhân làm động lực thúc đẩy ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số hoạt động của cơ quan nhà nước.

2. Triển khai tổng thể, toàn diện, tập trung nguồn lực, huy động sự tham gia của cả hệ thống chính trị.

3. Tạo điều kiện thuận lợi để mọi tổ chức, cá nhân có thể tham gia vào hoạt động của cơ quan nhà nước, tương tác với cơ quan nhà nước trên môi trường mạng.

4. Mở dữ liệu và cung cấp dữ liệu mở của cơ quan nhà nước.

5. Ưu tiên, phát triển tập trung các nền tảng dùng chung trên quy mô quốc gia, cấp bộ, cấp tỉnh.

6. Tuân thủ Khung Kiến trúc chính phủ điện tử của quốc gia và các Kiến trúc chính phủ điện tử cấp bộ; các Kiến trúc chính quyền điện tử cấp tỉnh.

7. Tổ chức, cá nhân tham gia vào hoạt động của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng được định danh, xác thực thông suốt từ trung ương đến địa phương theo quy định của pháp luật.

1. Bảo đảm an toàn thông tin mạng

1. Việc ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong hoạt động của cơ quan nhà nước phải tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn thông tin mạng.

2. Thúc đẩy phát triển và sử dụng nền tảng số an toàn, lành mạnh.

3. Cơ quan nhà nước triển khai công tác bảo đảm an toàn thông tin trên cơ sở mô hình bốn lớp theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông.

1. Bảo vệ thông tin cá nhân do cơ quan nhà nước nắm giữ trên môi trường mạng

1. Cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân tham gia cung cấp dịch vụ thu thập, xử lý và sử dụng thông tin cá nhân trên môi trường mạng phải thực hiện theo quy định pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân.

2. Các biện pháp bảo vệ thông tin cá nhân bao gồm: thông báo cho cá nhân biết về việc thu thập thông tin cá nhân của họ; có cam kết giữa cá nhân và bên thu thập, sử dụng thông tin cá nhân; thông báo mục đích sử dụng thông tin cá nhân; giám sát quá trình xử lý thông tin cá nhân; ban hành thủ tục kiểm tra, đính chính hoặc hủy bỏ thông tin cá nhân; các biện pháp kỹ thuật khác.

3. Cơ quan nhà nước nắm giữ thông tin thuộc bí mật cá nhân phải có trách nhiệm bảo vệ những thông tin đó và chỉ được phép cung cấp, chia sẻ cho bên thứ ba có thẩm quyền trong những trường hợp nhất định theo quy định của pháp luật.

1. Đầu tư cho ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số

1. Ưu tiên và tập trung nguồn lực quốc gia cho ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số.

2. Khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi để các tổ chức, doanh nghiệp đầu tư cho ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số.

3. Nguồn lực đầu tư cho ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số bao gồm:

a) Nguồn vốn ngân sách nhà nước;

b) Nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập được để lại theo quy định của pháp luật;

c) Nguồn vốn tham gia của tổ chức, doanh nghiệp cho chính phủ điện tử;

d) Nguồn vốn huy động hợp pháp khác;

đ) Nguồn kinh phí tiết kiệm được từ hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong cơ quan nhà nước, hoạt động của chính phủ điện tử.

4. Ngân sách nhà nước đầu tư cho ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, phát triển chính phủ điện tử:

a) Ngân sách nhà nước đầu tư cho ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, phát triển chính phủ điện tử bảo đảm tăng dần theo yêu cầu xây dựng, phát triển chính phủ điện tử và cao hơn mức trung bình của thế giới;

b) Ưu tiên bố trí, sử dụng nguồn vốn đầu tư công để thực hiện các dự án phát triển cơ sở hạ tầng thông tin quốc gia, trung tâm dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu quốc gia, nền tảng quốc gia, các ứng dụng, dịch vụ quốc gia phục vụ chính phủ điện tử.

1. Đánh giá mức độ ứng dụng công nghệ thông tin, phát triển chính phủ điện tử

1. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm:

a) Báo cáo hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin, phát triển chính phủ điện tử của bộ, ngành, địa phương; gửi Bộ Thông tin và Truyền thông theo định kỳ để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

b) Kết nối các hệ thống thông tin với Hệ thống thông tin phục vụ đánh giá mức độ phát triển chính phủ điện tử, chuyển đổi số quốc gia theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông, để công tác đánh giá hướng tới tự động, trực tuyến.

2. Bộ Thông tin và Truyền thông chịu trách nhiệm:

a) Ban hành Bộ chỉ số đánh giá mức độ phát triển chính phủ điện tử, chuyển đổi số;

b) Hướng dẫn các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thực hiện đánh giá mức độ phát triển chính phủ điện tử, chuyển đổi số;

c) Xây dựng và tổ chức triển khai Hệ thống thông tin phục vụ đánh giá mức độ phát triển chính phủ điện tử, chuyển đổi số quốc gia;

d) Tổ chức đánh giá, công bố mức độ phát triển chính phủ điện tử, chuyển đổi số.

# Chương II NỘI DUNG VÀ ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN, CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN NHÀ NƯỚC

## Mục 1 XÂY DỰNG CƠ SỞ HẠ TẦNG THÔNG TIN

1. Xây dựng hạ tầng mạng

1. Hình thức kết nối cơ bản giữa các cơ quan nhà nước thông qua hạ tầng mạng.

2. Cơ quan nhà nước có trách nhiệm phát triển hạ tầng mạng, bao gồm mạng nội bộ, mạng diện rộng nhằm bảo đảm triển khai chính phủ điện tử rộng khắp, xuyên suốt từ trung ương đến địa phương; bảo đảm an toàn, an ninh mạng; tuân thủ tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật theo quy định. Ưu tiên hình thức thuê dịch vụ hạ tầng mạng.

2. Mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước là hạ tầng truyền dẫn căn bản kết nối các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của các cơ quan nhà nước từ Trung ương đến cấp xã.

3. Kết nối từ người dân, doanh nghiệp vào hệ thống thông tin của Chính phủ; các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ (gọi là bộ); Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (gọi là Ủy ban nhân dân tỉnh) có thể qua mạng Internet.

4. Bộ Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm:

a) Quản lý, vận hành và bảo đảm an toàn thông tin trên Mạng truyền số liệu chuyên dùng phục vụ cơ quan Đảng, Nhà nước;

b) Thực hiện quản lý, giám sát cơ sở hạ tầng thông tin;

c) Ban hành các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định về kết nối, bảo đảm an toàn thông tin cho hạ tầng mạng của cơ quan nhà nước.

1. Xây dựng hạ tầng điện toán đám mây

1. Cơ quan nhà nước có trách nhiệm ưu tiên ứng dụng điện toán đám mây trong triển khai ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, phát triển chính phủ điện tử; xác định điện toán đám mây là phương án kỹ thuật đầu tiên phải được xem xét khi lựa chọn các phương án phát triển hạ tầng, ứng dụng, dịch vụ chính phủ điện tử.

2. Việc triển khai hạ tầng điện toán đám mây của các cơ quan nhà nước tuân thủ theo mô hình thống nhất từ trung ương đến địa phương.

3. Các bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm triển khai hạ tầng điện toán đám mây và thực hiện kết nối trên quy mô quốc gia thông qua Mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước.

4. Bộ Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm:

a) Quản lý, kết nối và giám sát hạ tầng điện toán đám mây của quốc gia theo mô hình thống nhất;

b) Ban hành các tiêu chuẩn, quy chuẩn và hướng dẫn mô hình, kỹ thuật kết nối hạ tầng điện toán đám mây của các cơ quan nhà nước.

1. Xây dựng hạ tầng Internet vạn vật

1. Cơ quan nhà nước có trách nhiệm phát triển hạ tầng Internet vạn vật phục vụ các hoạt động chính phủ điện tử theo nhu cầu thực tế, bảo đảm hiệu quả, dùng chung, tránh đầu tư trùng lặp.

2. Các hạ tầng thiết yếu do Nhà nước quản lý phải được trang bị, tích hợp các cảm biến và hình thành mạng lưới Internet vạn vật theo nhu cầu để phục vụ công tác giám sát, chỉ đạo, điều hành được kịp thời, trực tuyến và theo thời gian thực.

3. Các bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm:

a) Xây dựng, triển khai lộ trình, mô hình phát triển các mạng lưới Internet vạn vật phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành, thực thi hoạt động quản lý nhà nước của mình;

b) Triển khai các giải pháp để kết nối, khai thác triệt để các hệ thống Internet vạn vật do người dân, doanh nghiệp và các tổ chức ngoài nhà nước xây dựng.

4. Bộ Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm ban hành các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, mô hình, hướng dẫn kỹ thuật chung về các hệ thống Internet vạn vật.

**Mục 2  
DỮ LIỆU SỐ VÀ NỀN TẢNG SỐ**

1. Nguyên tắc thu thập, cập nhật, quản lý và khai thác tài nguyên thông tin, dữ liệu

1. Dữ liệu phát sinh từ hoạt động quản lý nhà nước thuộc cấp nào thì cấp đó chịu trách nhiệm thu thập, cập nhật, tổ chức và quản lý, khai thác dữ liệu.

2. Thu thập, quản lý và khai thác dữ liệu phải tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quy định bảo đảm sự đồng bộ, tương thích, thông suốt và an toàn giữa các cơ quan nhà nước trong quá trình chia sẻ, trao đổi thông tin.

3. Bộ Thông tin và Truyền thông chịu trách nhiệm xây dựng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật công nghệ thông tin chung về dữ liệu.

4. Các cơ quan cấp bộ chịu trách nhiệm xây dựng các tiêu chuẩn, quy chuẩn theo lĩnh vực quản lý của mình về các nội dung:

a) Nguồn thu thập dữ liệu, chất lượng dữ liệu được thu thập.

b) Cấu trúc dữ liệu phục vụ việc quản lý, chia sẻ dữ liệu.

1. Đảm bảo sự thống nhất xây dựng và cập nhật dữ liệu trong cơ quan nhà nước.

1. Cơ sở dữ liệu quốc gia quản lý dữ liệu chủ làm thông tin để định danh điện tử các thực thể trong quản lý nhà nước từ Trung ương tới địa phương. Danh tính điện tử của các thực thể phải được gán số định danh thống nhất. Thủ tướng Chính phủ quy định danh mục các thực thể và phương pháp gán mã định danh trong cơ sở dữ liệu quốc gia. Các cơ sở dữ liệu của bộ, ngành, địa phương phải sử dụng danh tính điện tử các thực thể trong cơ sở dữ liệu quốc gia.

2. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ quy định danh mục các thực thể sẽ được định danh điện tử; quy định phương pháp gán số định danh thuộc lĩnh vực quản lý từ Trung ương đến địa phương ngoại trừ các thực thể thuộc cơ sở dữ liệu quốc gia.

1. Số hóa thông tin, tạo lập dữ liệu trong cơ quan nhà nước

1. Dữ liệu trong các cơ sở dữ liệu phải xác định rõ nguồn gốc thu thập, cập nhật dữ liệu từ các nguồn dữ liệu xác định.

2. Nguồn dữ liệu bao gồm:

a) Từ các biện pháp điều tra, khảo sát.

b) Từ số hóa văn bản, tài liệu giấy.

c) Từ quá trình giải quyết các thủ tục hành chính.

d) Tái lập từ các cơ sở dữ liệu đã có sẵn.

đ) Từ các cơ sở dữ liệu khác của cơ quan nhà nước hiện có.

3. Không thu thập lại dữ liệu đã được cơ quan nhà nước xây dựng, cung cấp, nếu dữ liệu đã được xây dựng đáp ứng được chất lượng, độ chính xác theo nhu cầu.

4. Cơ quan nhà nước có kế hoạch số hóa những nguồn thông tin chưa ở dạng số theo thứ tự ưu tiên về thời gian và tầm quan trọng.

5. Người đứng đầu cơ quan cấp bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức lập kế hoạch số hóa thông tin và đưa vào các cơ sở dữ liệu theo phân cấp để quản lý, khai thác. Kế hoạch số hóa thông tin được ban hành kèm theo danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung.

1. Chia sẻ dữ liệu

1. Việc chia sẻ dữ liệu được thực hiện theo quy định về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước tại Nghị định số 47/2020/NĐ-CP.

2. Tất cả các cơ quan nhà nước được quyền khai thác dữ liệu từ các cơ sở dữ liệu của cơ quan nhà nước để phục vụ hoạt động quản lý nhà nước của mình theo pháp luật.

3. Cơ quan cấp bộ, cấp tỉnh được sao chép dữ liệu theo phạm vi và hoạt động quản lý nhà nước của mình từ cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu dùng chung của ngành để phát triển cơ sở dữ liệu theo yêu cầu đặc thù.

1. Sử dụng dữ liệu trong cung cấp dịch vụ hành chính công

1. Cơ quan nhà nước cung cấp dịch vụ hành chính công sử dụng dữ liệu trong các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu của bộ, ngành, địa phương để đơn giản hóa thủ tục hành chính phục vụ:

a) Tự động điền biểu mẫu điện tử của các thủ tục hành chính.

b) Giảm bớt thông tin khai trong các biểu mẫu, giấy đề nghị, tờ đơn, tờ khai thuộc thành phần hồ sơ.

c) Cung cấp thông tin để thay thế các giấy tờ xác nhận, các giấy tờ chứng minh thông tin trong thành phần hồ sơ.

d) Các hình thức đơn giản hóa thủ tục hành chính khác có sử dụng dữ liệu.

2. Kết quả xử lý dịch vụ công phải được lưu trữ vào các cơ sở dữ liệu dùng chung của bộ, ngành, địa phương. Cơ quan nhà nước không yêu cầu công dân cung cấp giấy tờ là kết quả của thủ tục hành chính đã được lưu trữ trong cơ sở dữ liệu dùng chung.

3. Khuyến khích các cơ quan nhà nước khai thác dữ liệu để triển khai các giải pháp để nâng cao chất lượng cung cấp các dịch vụ phục vụ người dân, doanh nghiệp.

1. Sử dụng dữ liệu trong hoạt động chỉ đạo, điều hành

1. Chuyển đổi hình thức báo cáo thống kê tình hình quản lý ngành, lĩnh vực, địa phương từ văn bản sang cập nhật số liệu vào cơ sở dữ liệu dùng chung để tự động tổng hợp, thống kê và trình diễn số liệu bằng bảng biểu, biểu đồ, bản đồ.

2. Khai thác dữ liệu dùng chung để hạn chế việc phối hợp, trao đổi thông tin qua hoạt động hành chính bằng văn bản.

3. Liên thông dữ liệu các hệ thống thông tin để giảm thời gian phối hợp xử lý các hoạt động hành chính.

4. Phát triển, khai thác dữ liệu lớn, dữ liệu phục vụ trí tuệ nhân tạo để tăng cường khả năng trợ giúp nghiệp vụ và hỗ trợ ra quyết định.

5. Khai thác dữ liệu nâng cao năng lực hoạt động và xử lý công việc khác của các cơ quan nhà nước.

1. Đảm bảo chất lượng dữ liệu

1. Cơ quan chủ quản các cơ sở dữ liệu có trách nhiệm thực hiện các hoạt động kiểm kê, đánh giá chất lượng dữ liệu, duy trì dữ liệu theo quy định tại Nghị định 47/2020/NĐ-CP ngày 9/4/2020 về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước.

2. Cơ quan nhà nước có chính sách từng bước nâng cao chất lượng dữ liệu, đảm bảo sự đầy đủ, độ chính xác trong quá trình phát triển chính phủ điện tử đáp ứng nhu cầu sử dụng dữ liệu.

1. Nền tảng số

1. Nguyên tắc xây dựng các nền tảng số

a) Các ứng dụng, dịch vụ trong chính phủ điện tử, chính quyền điện tử phục vụ cho nhiều cơ quan nhà nước hoặc nhiều người sử dụng phải được phát triển dưới dạng các hệ thống thông tin có thể chia sẻ, dùng chung trên diện rộng gọi là các nền tảng số.

b) Các nền tảng số của cơ quan nhà nước phải được kết nối theo Khung Kiến trúc kiến trúc chính phủ điện tử quốc gia, Kiến trúc chính phủ điện tử cấp bộ, Kiến trúc chính quyền điện tử cấp tỉnh.

c) Các nền tảng số của cơ quan nhà nước phải bảo đảm phục vụ sự liên thông, phối hợp hoạt động, quy trình nghiệp của các cơ quan nhà nước.

d) Các nền tảng số của cơ quan nhà nước phải bảo đảm khả năng kiểm tra, thanh tra, giám sát trực tuyến các hoạt động của cơ quan trên môi trường mạng.

2. Các cơ quan nhà nước được giao chủ trì tổ chức triển khai các nền tảng số quốc gia có trách nhiệm tập trung, ưu tiên nguồn lực triển khai đúng tiến độ, bảo đảm việc khai thác, dùng chung hiệu quả các ứng dụng, dịch vụ trên nền tảng trong phạm vi toàn quốc.

3. Bộ Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm tổ chức quản lý và kết nối các nền tảng số quốc gia

4. Các bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm triển khai các nền tảng số phục vụ trong nội bộ; bảo đảm việc khai thác, dùng chung hiệu quả các ứng dụng, dịch vụ được phát triển trên nền tảng số.

## Mục 3 KIẾN TRÚC CHÍNH PHỦ ĐIỆN TỬ

1. Khung kiến trúc chính phủ điện tử của quốc gia

1. Nguyên tắc xây dựng Khung kiến trúc chính phủ điện tử của quốc gia:

a) Là căn cứ để các bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng Kiến trúc chính phủ điện tử, Kiến trúc chính quyền điện tử;

b) Hình thành và triển khai áp dụng đồng bộ hệ thống Kiến trúc chính phủ điện tử từ trung ương đến địa phương.

2. Yêu cầu về nội dung Khung kiến trúc chính phủ điện tử của quốc gia:

a) Quy định áp dụng thống nhất các nguyên tắc kiến trúc;

b) Khung nội dung cơ bản của Kiến trúc chính phủ điện tử cấp bộ, Kiến trúc Chính quyền điện tử cấp tỉnh, bao gồm mô tả nội dung chính và mối quan hệ giữa các kiến trúc thành phần, trách nhiệm triển khai của các bên liên quan.

c) Bao gồm các mô hình tham chiếu của các kiến trúc thành phần;

d) Thể hiện sơ đồ khái quát chính phủ điện tử quốc gia;

đ) Tổ chức thực hiện;

e) Các nội dung khác.

3. Bộ Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm:

a) Xây dựng, quản lý và triển khai Khung kiến trúc chính phủ điện tử của quốc gia;

b) Tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn triển khai kiến trúc chính phủ điện tử;

c) Hướng dẫn xây dựng, cập nhật Kiến trúc chính phủ điện tử cấp bộ, Kiến trúc chính quyền điện tử cấp tỉnh;

d) Xây dựng, ban hành các mô hình, mẫu, công cụ, hệ thống quản lý Kiến trúc chính phủ điện tử, Kiến trúc chính quyền điện tử;

đ) Kiểm tra, đôn đốc các cơ quan trong việc xây dựng, áp dụng Kiến trúc chính phủ điện tử, Kiến trúc chính quyền điện tử.

1. Kiến trúc chính phủ điện tử cấp bộ

1. Các bộ có trách nhiệm xây dựng, quản lý, triển khai và cập nhật Kiến trúc chính phủ điện tử cấp bộ phù hợp với Khung Kiến trúc chính phủ điện tử của quốc gia.

2. Nguyên tắc xây dựng, triển khai áp dụng Kiến trúc chính phủ điện tử cấp bộ:

a) Phù hợp với Khung kiến trúc chính phủ điện tử của quốc gia;

b) Phù hợp với định hướng, mục tiêu triển khai ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, phát triển chính phủ điện tử của quốc gia;

c) Phù hợp với chiến lược, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia, của cơ quan;

d) Tuân thủ các quy chuẩn, tiêu chuẩn, quy định kỹ thuật của quốc gia, chuyên ngành.

3. Đơn vị chuyên trách về công nghệ thông tin của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có trách nhiệm:

a) Xây dựng, triển khai và cập nhật Kiến trúc chính phủ điện tử cấp bộ;

b) Thực hiện công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức, đào tạo, hướng dẫn triển khai Kiến trúc chính phủ điện tử;

c) Đôn đốc, giám sát công tác triển khai áp dụng, tuân thủ các nội dung Kiến trúc chính phủ điện tử khi triển khai các nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, phát triển chính phủ điện tử;

d) Bảo đảm nguồn lực xây dựng, duy trì và tổ chức triển khai Kiến trúc chính phủ điện tử.

1. Kiến trúc chính quyền điện tử cấp tỉnh

1. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm xây dựng, quản lý, triển khai và cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử cấp tỉnh phù hợp với Khung Kiến trúc chính phủ điện tử của quốc gia.

2. Nguyên tắc xây dựng, triển khai áp dụng Kiến trúc chính quyền điện tử cấp tỉnh:

a) Phù hợp với Khung Kiến trúc chính phủ điện tử của quốc gia, các Kiến trúc chính phủ điện tử cấp bộ;

b) Phù hợp với định hướng, mục tiêu triển khai ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, phát triển chính phủ điện tử của quốc gia;

c) Phù hợp với chiến lược, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia, của địa phương;

d) Tuân thủ các quy chuẩn, tiêu chuẩn, quy định kỹ thuật của quốc gia, chuyên ngành.

3. Sở Thông tin và Truyền thông của các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm:

a) Xây dựng, triển khai và cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử cấp tỉnh;

b) Thực hiện công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức, đào tạo, hướng dẫn triển khai Kiến trúc chính quyền điện tử;

c) Đôn đốc, giám sát công tác triển khai áp dụng, tuân thủ các nội dung Kiến trúc chính quyền điện tử khi triển khai các nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, phát triển chính phủ điện tử;

d) Bảo đảm nguồn lực xây dựng, duy trì và tổ chức triển khai Kiến trúc chính quyền điện tử.

## Mục 4 PHÁT TRIỂN VÀ SỬ DỤNG NGUỒN NHÂN LỰC

1. Chính sách phát triển nguồn nhân lực công nghệ thông tin của cơ quan nhà nước

1. Nhà nước có chính sách phát triển quy mô và tăng cường chất lượng đào tạo nguồn nhân lực công nghệ thông tin của cơ quan nhà nước.

2. Đơn vị chuyên trách về công nghệ thông tin của các bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm xác định rõ các vấn đề cần được giải quyết bằng công nghệ thông tin, từ đó xác định nguồn lực trong và ngoài đơn vị để triển khai phù hợp.

3. Bộ Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm:

a) Xây dựng khung năng lực, chuẩn kỹ năng công nghệ thông tin tích hợp kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức nhà nước;

b) Đưa nội dung đào tạo về kỹ năng số, phân tích dữ liệu, an toàn thông tin vào chương trình đào tạo quản lý nhà nước;

c) Tổ chức bồi dưỡng, huấn luyện đội ngũ chuyên gia về chính phủ điện tử, chính quyền điện tử.

4. Tạo điều kiện cho lãnh đạo, cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin được học tập, nâng cao trình độ quản lý, kỹ thuật nghiệp vụ ở trong và ngoài nước.

5. Tạo điều kiện cho cán bộ, công chức, viên chức được đào tạo về kỹ năng công nghệ thông tin, kỹ năng số, kỹ năng phân tích dữ liệu, an toàn thông tin trong xử lý công việc.

1. Ưu đãi nhân lực công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước

1. Cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin trong các cơ quan nhà nước được hưởng chế độ ưu đãi để bảo đảm điều kiện làm việc, bao gồm:

a) Ưu đãi về đào tạo, nâng cao trình độ, kỹ năng số;

b) Ưu đãi về thu nhập;

c) Ưu đãi khác phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Bộ Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm đề xuất quy định khung chung về chế độ ưu đãi cho nhân lực công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước.

3. Cơ quan nhà nước chủ động ban hành quy định ưu đãi về thu nhập cho nhân lực công nghệ thông tin, an toàn thông tin trong cơ quan mình; quy định về tiêu chuẩn, trách nhiệm, quyền lợi, yêu cầu đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cán bộ, công chức, viên chức đối với việc ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong công việc của mình.

# Chương III HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN NHÀ NƯỚCTRÊN MÔI TRƯỜNG MẠNG

## Mục 1 QUY TRÌNH CÔNG VIỆC

1. Chuẩn hóa, cải tiến quy trình công việc của cơ quan nhà nước

1. Cơ quan nhà nước có trách nhiệm cải tiến và chuẩn hóa các quy định công việc theo hướng phù hợp với chương trình cải cách hành chính đồng thời phát huy tối đa khả năng ứng dụng công nghệ thông tin trong xử lý các quy trình sau đây:

a) Hoạt động nội bộ và giao dịch với các cơ quan nhà nước khác;

b) Giao dịch với tổ chức, cá nhân, đặc biệt trong hoạt động cung cấp các dịch vụ hành chính công.

2. Yêu cầu chuẩn hóa, cải tiến quy trình công việc của cơ quan nhà nước

a). Khai thác tối đa hiệu quả của công nghệ thông tin để nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động.

b) Thu thập, phân tích và đánh giá toàn diện về điều kiện, bối cảnh và nhu cầu của tổ chức, cá nhân có liên quan đến quy trình công việc.

c) Thiết kế, liên thông quy trình thủ tục phải trực quan, đơn giản và dễ hiểu; đáp ứng tối đa các nhu cầu của người dùng.

d) Thiết lập một đội ngũ chuyên gia thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau (nghiệp vụ, dữ liệu, kiến trúc, vận hành…) cùng tham gia thiết kế, cải tiến quy trình công việc.

đ) Áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quy định trong các hoạt động của cơ quan mình.

1. Yêu cầu thống nhất, kết nối, liên thông quy trình công việc giữa các cơ quan nhà nước

1. Các quy trình công việc chung của cơ quan nhà nước phải được thống nhất, kết nối, liên thông.

2. Không yêu cầu tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin, dữ liệu đã được thu thập, lưu trữ tại các cơ sở dữ liệu của cơ quan nhà nước.

## Mục 2 TRAO ĐỔI VĂN BẢN ĐIỆN TỬ

1. Tăng cường sử dụng văn bản điện tử

1. Cơ quan nhà nước thực hiện trao đổi văn bản trong nội bộ hoàn toàn dưới dạng điện tử, trừ văn bản mật và trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Thủ tướng Chính phủ quy định về việc gửi, nhận văn bản điện tử giữa các cơ quan trong hệ thống hành chính nhà nước

1. Hoạt động gửi, nhận văn bản điện tử

1. Hoạt động gửi văn bản điện tử: Một văn bản điện tử được gửi thành công khi văn bản điện tử gửi đi đã được nhập vào hệ thống của bên nhận và nằm ngoài sự kiểm soát của bên gửi.

2. Hoạt động nhận văn bản điện tử: Một văn bản điện tử được xem như đã nhận được nếu bên nhận có thể lấy về văn bản điện tử theo đúng định dạng đã gửi để tiếp tục quá trình xử lý văn bản trên hệ thống và có thông báo cho bên gửi về việc đã nhận được văn bản trong một khoảng thời gian phù hợp.

3. Thông báo nhận được văn bản điện tử

Cơ quan nhà nước có trách nhiệm thông báo bằng phương tiện điện tử cho người gửi về việc đã nhận văn bản điện tử ngay sau khi xác nhận được tính hợp lệ của văn bản đó.

5. Cơ quan nhà nước sử dụng mã định danh điện tử của các cơ quan, tổ chức để phục vụ trao đổi văn bản điện tử.

1. Xử lý, lưu trữ văn bản điện tử

1. Cơ quan nhà nước có quyền sử dụng các phương tiện điện tử để tạo lập, thu thập, nhận, lưu trữ, trao đổi, phân phối, xuất bản hoặc xử lý văn bản điện tử phù hợp với các quy định về công tác văn thư, lưu trữ trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Cơ quan nhà nước sử dụng dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng để ký số và xác thực văn bản điện tử.

3.. Cơ quan nhà nước có trách nhiệm lưu trữ văn bản điện tử với định dạng gốc và không làm thay đổi nội dung của văn bản, tài liệu

4. Thời gian lưu trữ và loại hủy văn bản điện tử phải đáp ứng theo quy định của pháp luật về công tác văn thư, lưu trữ và pháp luật chuyên ngành.

## Mục 3 QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH, LÀM VIỆC TRÊN MÔI TRƯỜNG MẠNG

1. Chỉ đạo, điều hành trên môi trường mạng

1. Người đứng đầu cơ quan nhà nước có trách nhiệm thực hiện chỉ đạo, điều hành công việc của cơ quan mình trên môi trường mạng, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Các bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm:

a) Xây dựng, triển khai các hệ thống thông tin phục vụ chỉ đạo, điều hành của cơ quan mình trên môi trường mạng; khai thác hiệu quả dữ liệu số để phục vụ công tác ra quyết định.

b) Ban hành quy chế vận hành, khai thác sử dụng các hệ thống thông tin phục vụ chỉ đạo điều hành trên môi trường mạng.

1. Giám sát, kiểm tra, thanh tra trên môi trường mạng

1. Cơ quan nhà nước có trách nhiệm xây dựng quy trình, lộ trình ứng dụng công nghệ phù hợp để triển khai công tác giám sát, kiểm tra, thanh tra trên môi trường mạng theo thẩm quyền quản lý nhà nước.

2. Thanh tra Chính phủ chịu trách nhiệm quy định, hướng dẫn triển khai về hoạt động thanh tra trên môi trường mạng.

1. Làm việc từ xa

1. Cơ quan nhà nước quyết định lựa chọn phương án làm việc từ xa phù hợp với nhu cầu và điều kiện thực tế trong cơ quan mình.

2. Trong trường hợp làm việc từ xa, cơ quan nhà nước có trách nhiệm tạo điều kiện, cung cấp cho cán bộ, công chức, viên chức các trang thiết bị, nguồn lực cần thiết, phù hợp với quy định về tiêu chuẩn, định mức trang thiết bị làm việc.

3. Bộ Thông tin và Truyền thông chịu trách nhiệm ban hành các quy định, hướng dẫn kỹ thuật đối với các hệ thống, nền tảng số phục vụ làm việc từ xa của các cơ quan nhà nước.

1. Cung cấp thông tin và dịch vụ công trên môi trường mạng

1. Cơ quan nhà nước cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên môi trường mạng cho tổ chức, cá nhân theo đúng quy định của pháp luật.

2. Cơ quan nhà nước chủ động ứng dụng hiệu quả, triệt để công nghệ thông tin để bảo đảm cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến toàn trình, thuận tiện, dễ dàng, nhanh chóng, hướng tới việc cá thể hóa theo nhu cầu của tổ chức, cá nhân.

3. Việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của các cơ quan nhà nước trên môi trường mạng cho tổ chức, cá nhân phải được quản lý, theo dõi, giám sát chất lượng và hiệu quả theo quy định của pháp luật.

# Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trách nhiệm người đứng đầu cơ quan nhà nước

1. Trực tiếp chỉ đạo và chịu trách nhiệm về hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong lĩnh vực, địa phương và tổ chức, cơ quan của mình.

2. Chỉ đạo xây dựng, phê duyệt kế hoạch 5 năm và kế hoạch hàng năm về ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong lĩnh vực, địa phương và tổ chức, cơ quan của mình.

3. Quyết định các biện pháp nhằm tổ chức thực hiện có hiệu quả kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số.

4. Quyết định về tổ chức bộ máy, cán bộ và hoạt động của đơn vị chuyên trách công nghệ thông tin trong hệ thống tổ chức, cơ quan của mình.

1. Hệ thống chuyên trách về công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước

1. Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có trách nhiệm duy trì, tạo điều kiện hoạt động cho đơn vị chuyên trách về công nghệ thông tin để tham mưu, thực thi, dẫn dắt ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong ngành, lĩnh vực.

2. Sở Thông tin và Truyền thông ở các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương là đơn vị chuyên trách về công nghệ thông tin trong địa phương mình để tham mưu, thực thi, dẫn dắt ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số tại địa phương.

3. Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy và hoạt động của các đơn vị chuyên trách về công nghệ thông tin thuộc ngành hoặc địa phương mình căn cứ theo quy định tại Nghị định này.

1. Chức năng, nhiệm vụ chính của đơn vị chuyên trách về công nghệ thông tin

1. Đề xuất, xây dựng, tổ chức thực hiện kế hoạch 5 năm và hàng năm về ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số.

2. Xây dựng quy chế, quy định và tổ chức hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong ngành hoặc địa phương trình Thủ trưởng cơ quan xem xét, quyết định.

3. Tổ chức thu nhập, lưu trữ, xử lý thông tin, dữ liệu số phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo.

4. Quản lý, vận hành, hướng dẫn sử dụng cơ sở hạ tầng thông tin, các nền tảng dùng chung phục vụ hoạt động chỉ đạo, điều hành, tác nghiệp của ngành hoặc địa phương; bảo đảm kỹ thuật, an toàn thông tin.

1. Trách nhiệm của Thủ trưởng đơn vị chuyên trách về công nghệ thông tin

1. Trực tiếp tham mưu, giúp lãnh đạo cơ quan xây dựng chính sách, kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, phát triển chính phủ điện tử, chính quyền điện tử trong ngành hoặc địa phương;

2. Tổ chức, điều hành việc triển khai kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, phát triển chính phủ điện tử, chính quyền điện tử được phê duyệt;

3. Chỉ đạo xây dựng các quy định, hướng dẫn quản lý kỹ thuật, nghiệp vụ trong ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số phù hợp với các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quy định; đề xuất và tham gia chỉ đạo xây dựng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về công nghệ thông tin;

4. Thực hiện quản lý và khai thác dữ liệu trong hoạt động của cơ quan nhà nước;

5. Tham gia chỉ đạo công tác phối hợp với các cơ quan nhà nước khác trong việc xây dựng và tổ chức thực hiện các dự án, nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số mang tính liên ngành.

1. Trách nhiệm của Bộ Thông tin và Truyền thông

1. Chịu trách nhiệm trước Chính phủ trong việc chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ liên quan trong việc tổ chức thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong hoạt động của cơ quan nhà nước.

2. Chủ trì xây dựng chiến lược, chương trình về ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong hoạt động của cơ quan nhà nước của quốc gia, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

3. Quản lý, hướng dẫn xây dựng và cho ý kiến góp ý đối với kế hoạch 5 năm về ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, phát triển chính phủ điện tử, chính quyền điện tử của các bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Xây dựng, ban hành các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật về ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong quá trình ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số;

5. Hướng dẫn xây dựng, triển khai hiệu quả các dự án ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong cơ quan nhà nước.

6. Kiểm tra, đánh giá, báo cáo hàng năm và đột xuất tình hình ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong hoạt động của cơ quan nhà nước.

7. Tổ chức công bố kết quả đánh giá, làm cơ sở để theo dõi, đôn đốc, xếp hạng về chính phủ điện tử; công khai trực tuyến các chỉ số chính trong phát triển chính phủ điện tử.

8. Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành xúc tiến họp tác quốc tế, trao đổi công nghệ thông tin, trao đổi kinh nghiệm về chính phủ điện tử với các quốc gia khác.

9. Các nhiệm vụ khác quy định trong Nghị định này và pháp luật liên quan.

1. Trách nhiệm của Bộ Nội vụ

1. Chủ trì, phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và biên chế của đơn vị chuyên trách về công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước.

2. Xây dựng, ban hành các quy định, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật đối với công tác văn thư lưu trữ văn bản điện tử và các hệ thống lưu trữ văn bản điện tử.

3. Phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông nhằm thúc đẩy ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số phục vụ cải cách hành chính trong hoạt động của cơ quan nhà nước.

1. Trách nhiệm của Văn phòng Chính phủ

Triển khai các nội dung ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số để phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

1. Trách nhiệm của Ban Cơ yếu Chính phủ

1. Chủ trì xây dựng và đề xuất ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về mật mã trong an toàn và bảo mật thông tin; chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng Chính phủ.

2. Cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng Chính phủ trong các giao dịch điện tử của cơ quan nhà nước.

3. Xây dựng và đề xuất ban hành các tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật về mật mã trong an toàn và bảo mật thông tin.

4. Tổ chức kiểm định, đánh giá và cấp chứng nhận các sản phẩm mật mã trong hoạt động của cơ quan nhà nước.

5. Triển khai các giải pháp bảo vệ thông tin thuộc phạm vi bí mật nhà nước dùng mật mã.

1. Trách nhiệm của các bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Xây dựng, phê duyệt và tổ chức thực hiện kế hoạch 5 năm, kế hoạch hàng năm về ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong hoạt động của cơ quan.

2. Tái cấu trúc tổ chức, quy trình nghiệp vụ để có thể ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin vào mọi hoạt động của cơ quan nhà nước, hướng tới số hóa toàn bộ hoạt động của cơ quan tổ chức.

3. Bảo đảm kinh phí (chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên) để thực hiện các nhiệm vụ, dự án ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong hoạt động của cơ quan nhà nước.

4. Kiểm tra, đánh giá, báo cáo hàng năm và đột xuất tình hình ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số của cơ quan.

# Chương V ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

1. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2021 và thay thế Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước.

1. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ Thông tin và Truyền thông chịu trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thi hành Nghị định này.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Ban Bí thư Trung ương Đảng; - Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ; - Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; - HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; - Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng; - Văn phòng Tổng Bí thư; - Văn phòng Chủ tịch nước; - Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội; - Văn phòng Quốc hội; - Tòa án nhân dân tối cao; - Viện kiểm sát nhân dân tối cao; - Kiểm toán nhà nước; - Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia; - Ngân hàng Chính sách xã hội; - Ngân hàng Phát triển Việt Nam; - Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; - Cơ quan trung ương của các đoàn thể; - VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT,  các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo; - Lưu: VT, KSTT ( ). | **TM. CHÍNH PHỦ THỦ TƯỚNG**  **Phạm Minh Chính** |